

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TN
HỘI ĐỒNG THI TN LỚP
TCLLCT-HC HỆ TT K40

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 4 năm 2020

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 40, TẠI TRƯỜNG

Khối kiến thức III: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiệp vụ công tác Đảng, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể nhân dân”

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
PHÒNG THI 01							
01	Lý Thế Anh	21/10/1992	01	23	7.0	Bảy	
02	Hoàng Văn Anh	03/6/1981	02	02	7.0	Bảy	
03	Hà Văn Bắc	03/02/1986	03	04	7.5	Bảy rưỡi	
04	Trần Thị Chang	21/11/1990	04	19	7.0	Bảy	
05	Nguyễn Thị Diễm	17/5/1986	05	18	8.0	Tám	
06	Phạm Quang Dương	28/05/1990	06	28	7.0	Bảy	
07	Trịnh Thị Quý Dương	19/02/1991	07	21	7.0	Bảy	
08	Vũ Đại Dương	20/11/1993	08	07	7.5	Bảy rưỡi	
09	Hoàng Văn Đại	01/01/1974	09	06	7.0	Bảy	
10	Hoàng Công Động	26/01/1988	10	03	8.0	Tám	
11	Nguyễn Thanh Đức	19/8/1992	11	29	7.5	Bảy rưỡi	
12	Tổng văn Đức	09/01/1988	12	22	7.0	Bảy	
13	Nông Đình Giai	17/10/1982	13	25	7.0	Bảy	
14	Nguyễn Trọng Hà	28/02/1981	14	09	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Thanh Hà	19/10/1978	15	05	7.5	Bảy rưỡi	
16	Lưu Viết Hành	05/5/1983	16	13	7.5	Bảy rưỡi	
17	Hoàng Văn Hiệu	20/10/1982	17	12	7.5	Bảy rưỡi	
18	Ma Phúc Hình	08/01/1977	18	08	7.5	Bảy rưỡi	
19	Hoàng Văn Hương	28/12/1971	19	20	6.5	Sáu rưỡi	
20	Tạ Văn Kiên	29/9/1978	20	15	7.5	Bảy rưỡi	

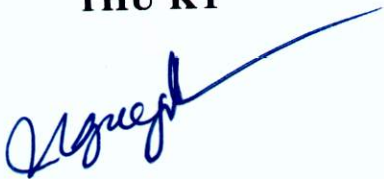
STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
21	Lê Thị Lan	05/5/1982	21	26	7.5	Bảy rưỡi	
22	Lăng Văn Lịch	05/6/1990	22	17	7.5	Bảy rưỡi	
23	Dương Quang Minh	26/02/1983	23	11	6.5	Sáu rưỡi	
24	Tô Văn Mười	05/01/1980	24	24	7.0	Bảy	
25	Lý Hoài Ngân	09/11/1995	25	16	7.5	Bảy rưỡi	
26	Tạ Văn Nguyên	02/4/1988	26	10	7.5	Bảy rưỡi	
27	Dương Văn Nguyên	29/10/1978	27	14	7.5	Bảy rưỡi	
28	Đỗ Danh Pháp	11/5/1990	28	27	7.5	Bảy rưỡi	
29	Hoàng Văn Phước	23/4/1973	29	01	7.5	Bảy rưỡi	

PHÒNG THI 02

30	Bàn Tài Quân	25/4/1990	30	11	7.5	Bảy rưỡi	
31	Dương Văn Quy	29/9/1978	31	09	7.0	Bảy	
32	Lê Thị Quỳnh	07/7/1977	32	01	7.0	Bảy	
33	Nguyễn Ngọc Sơn	03/8/1994	33	12	7.5	Bảy rưỡi	
34	Tạ Huy Tân	26/3/1982	34	06	7.0	Bảy	
35	Hoàng Anh Thái	02/8/1989	35	19	7.0	Bảy	
36	Ma Đình Thành	15/4/1987	36	07	7.5	Bảy rưỡi	
37	Nguyễn Phương Thảo	12/02/1990	37	08	7.5	Bảy rưỡi	
38	Trần Đức Thiện	12/10/1987	38	17	8.0	Tám	
39	Nguyễn Văn Hóa Thuận	18/5/1987	39	14	7.5	Bảy rưỡi	
40	Hoàng Thị Thùy	22/9/1993	40	10	7.0	Bảy	
41	Phạm Quốc Toàn	10/7/1986	41	05	7.0	Bảy	
42	Lê Thị Huyền Trang	25/8/1992	42	16	7.5	Bảy rưỡi	
43	Trần Mạnh Tuấn	15/10/1987	43	20	7.5	Bảy rưỡi	
44	Lường Văn Tuấn	17/11/1989	44	15	7.0	Bảy	
45	Đoàn Mạnh Tùng	12/4/1993	45	04	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Hà Tùng	06/9/1990	46	18	7.5	Bảy rưỡi	
47	Dương Quân Tùng	16/7/1989	47	13	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
48	Đặng Văn Vững	17/10/1990	48	02	7.5	Bảy rưỡi	
49	Vi Thị Yến	24/02/1988	49	03	7.5	Bảy rưỡi	

THƯ KÝ



Nguyễn Phúc Ái

CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Huyền

